

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/12/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sầm Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thanh Lù

2. Bà Nông Thị Diễm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Linh Thị Hiền - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng:** Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1099/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Xóm ĐN, xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: Xóm Nà Sao, xã Đức Quang, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Chu Văn D, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm ĐN, xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 31, Phân trại số 4, Trại giam PS 4, xã CL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/10/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Hoàng Thị N trình bày:

Chị Hoàng Thị N và anh Chu Văn D có được tìm hiểu nhau và tổ chức cưới theo tập quán vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng vào ngày 04/3/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng sinh sống ở nhà anh D tại xóm BQ (nay là xóm

ĐN), xã VQ, huyện HL và có hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2018, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, do không cùng quan điểm sống, khiến tình cảm vợ chồng sút mẻ không hoà thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đi làm công nhân tại tỉnh Thái Nguyên. Đến tháng 7 năm 2023, mặc dù chị N đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng do anh D nghiện hút ma tuý dẫn đến vi phạm pháp luật về tội phạm ma tuý và phải đi chấp hành án phạt tù với thời gian 26 tháng, hai vợ chồng đã sống ly thân kể từ thời điểm đó cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh D. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Chu Hoàng P, sinh ngày 01/4/2013, hiện con đang ở với bố mẹ đẻ của anh D, khi ly hôn anh D sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P; không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Chị N đã được nghe lời khai của anh D do Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang uỷ thác cho Trại giam PS 4 thu thập và nhất trí với bản tự khai của anh D, ngoài ra không có ý kiến gì.

Bị đơn anh Chu Văn D vắng mặt tại phiên tòa, đã có văn bản ghi nhận ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt và tại bản tự khai anh D xác nhận tất cả các vấn đề về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung và nợ chung theo chị N trình bày là đúng. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N. Về con chung, anh D nhất trí là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị N. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do hiện anh D đang chấp hành án tại trại giam nên không thể đến Tòa án để giải quyết vụ việc được, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Chị Hoàng Thị N: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu về ly hôn với anh D, tuy nhiên về con chung, do hiện nay anh D đang đi chấp hành hình phạt tù nên chị sẽ nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng; sau khi anh D thụ hình xong quay trở về địa phương nếu có nguyện vọng nuôi con chung thì hai vợ chồng sẽ tự thoả thuận vấn đề nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Chị N và anh D có đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N; chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Hoàng Thị N có hộ khẩu thường trú tại: Xóm ĐN, xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Chu Văn D hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 31, Phân trại số 4, Trại giam PS 4, xã CL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, vì do đó không thể có mặt tham gia tố tụng. Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang đã ủy thác cho Trại giam PS 4 tổng đạt đơn khởi kiện, các văn bản tố tụng và tài liệu khác đồng thời lấy lời khai của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được. Ngày 02/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang đã nhận được kết quả ủy thác tổng đạt và bản tự khai của bị đơn trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Hoàng Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Chu Văn D. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị N với anh Chu Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng vào ngày 04/3/2013, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó hôn nhân hợp pháp kể từ ngày có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống cùng gia đình anh D tại BQ (nay là xóm ĐN), xã VQ, huyện HL. Trong quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cãi chửi nhau, không quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng không hoà thuận. Đến năm 2020, chị N phát hiện anh D có sử dụng ma tuý, mặc dù chị N đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng do anh D vẫn không từ bỏ ma tuý dẫn đến vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù, hai vợ chồng đã ly thân từ thời điểm đó. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không liên lạc với nhau, chị N, anh D đều xác định không còn tình cảm, không có giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy, giữa chị N với anh D không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình và đã sống ly thân từ giữa năm 2023 cho đến nay đã hơn 01 (một) năm, chứng tỏ mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là những căn cứ để giải quyết ly hôn theo yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị N. Xét thấy, yêu cầu của hai người đều tự nguyện ly hôn, không trái đạo đức, pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5]. *Về con chung*: Cháu Chu Hoàng P, sinh ngày 01/4/2013, là con chung của chị N và anh D, hiện cháu đang ở với bố mẹ đẻ của anh D tại xóm ĐN, xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của bố mẹ, do hiện nay anh D đang phải chấp hành hình phạt tù nên giao cháu P cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D. Sau này anh D trở về địa phương, các bên có quyền thoả thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh D đều xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Chu Văn D.

2. *Về con chung*: Cháu Chu Hoàng P, sinh ngày 01/4/2013, là con chung của chị N và anh D. Giao cháu Chu Hoàng P cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002962 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Chu Văn D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- CCTHADS huyện Hạ Lang;
- UBND xã VQ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

**Sầm Đức Hiệp**